

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 5 - 2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa Phlên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

**- Thư ký Phlên tòa:** Ông Chau Dau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia Phlên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn Phlên tòa số: 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Ph, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lý Thị Ph trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Ph và ông Ph1 do quen biết, sau một thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc; đến đầu năm 2021, khi ông Ph1 lên tỉnh Đồng Nai làm thuê thì bà Ph

phát hiện ông Ph1 chung sống với người phụ khác như vợ chồng, từ đó ông Ph1 thường hay về nhà gây chuyện vô cớ và đánh bà Ph, nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và không thể hàn gắn nên bà Ph yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông Ph1.

- Về con chung: Bà Ph và ông Ph1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 09/02/1992 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 24/9/2002. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động được, đã có gia đình riêng nên bà Ph không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về Ph1ên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn Ph1 vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

*Tại Ph1ên tòa,*

Bà Ph có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, trong đó bà Ph giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Ph1; không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho bà Ph ly hôn với ông Ph1.

- Về con chung: Cả hai con chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 09/02/1992 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 24/9/2002, đều đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại Ph1ên tòa lần thứ hai mà không có lý do,

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Ph và ông Ph1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, bắt đầu chung sống từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG vào ngày 15/10/2002 nên hôn nhân được pháp luật công nhận kể từ thời điểm bắt đầu chung sống vào năm 1991; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà Ph và ông Ph1 có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Ph1 vắng mặt nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân và không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa bà Ph và ông Ph1 đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ph ly hôn với ông Ph1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Ph và ông Ph1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 09/02/1992 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 24/9/2002. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động được, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp. Ông Ph1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho bà Lý Thị Ph ly hôn với ông Nguyễn Văn Ph1.

**2. Về con chung:** Cả hai con chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 09/02/1992 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 24/9/2002 đều đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Lý Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Ph đã nộp theo biên lai thu số 0003471 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bà Lý Thị Ph và ông Nguyễn Văn Ph1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND xã MĐ
- (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH1ÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Linh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Bờ**

**Nguyễn Hoàng Tuấn**

**Nguyễn Duy Linh**



